

**GIẢI TRÌNH THAY ĐỔI LỢI NHUẬN BÁO CÁO KIỂM TOÁN 2023
SO VỚI NĂM 2022**

Kính gửi: Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước

Tên Công ty:

CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU Á CHÂU

AIG Tên tiếng Anh:

AIG ASIA INGREDIENTS CORPORATION

Địa chỉ trụ sở chính:

Lô TH-1B, Đường số 7, Khu Thương Mại Nam, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại:

028 5416 1386

Website:

www.asiagroup-vn.com

Người thực hiện CBTT:

Ông Phạm Trung Lâm

Chức danh:

Người đại diện theo pháp luật

Loại thông tin công bố:

Định kỳ

Bất thường

Theo yêu cầu

Nội dung thông tin công bố:

Ngày 29/03/2024, CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU Á CHÂU AIG (“Công ty”) nộp Báo cáo tài chính riêng năm 2023 đã được kiểm toán (“Báo cáo”) ký ngày 29/03/2024. Biên động một số chỉ tiêu khiến Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm 2023 thay đổi từ 10% trở lên so với năm 2022 là như sau:

VND				
Mã số	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2022	% Tăng/(Giảm)
10	▪ Doanh thu thuần	11.035.055.125	15.492.205.764	(28,77%)
11	▪ Giá vốn	(9.420.155.597)	(7.989.868.836)	17,90%
20	▪ Lợi nhuận/(lỗ) gộp	1.614.899.528	7.502.336.928	(78,47%)
21	▪ Doanh thu hoạt động tài chính	132.096.569.276	216.386.384.620	(38,95%)
22	▪ Chi phí tài chính	(1.848.765.552)	-	
26	▪ Chi phí quản lý doanh nghiệp	(22.139.839.025)	(17.205.131.697)	28,68%
30	▪ Lợi nhuận/(lỗ) thuần	109.722.864.227	206.683.589.851	(46,91%)
31	▪ Thu nhập khác	848	241.598.427	
32	▪ Chi phí khác	(208.528.971)	(423)	

VND

Mã số	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2022	% Tăng/(Giảm)
40	▪ Lợi nhuận/(lỗ) khác	(208.528.123)	241.598.004	(186,31%)
50	▪ Lợi nhuận/(lỗ) thuần trước thuế	109.514.336.104	206.925.187.855	(47,08%)
60	▪ Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế	109.514.336.104	206.925.187.855	(47,08%)

Một số nguyên nhân:

- Mã số 10: Doanh thu từ hoạt động tư vấn quản lý thay đổi dựa trên tình hình thực tế công việc tại các công ty thành viên.
- Mã số 11: Giá vốn hàng bán tăng 17,9% so với cùng kỳ chủ yếu do thay đổi chi phí nhân công; tiền thuê văn phòng phân bổ tăng do chuyển địa điểm thuê từ Tòa nhà Vinamilk Tower sang Tòa nhà AIG.
- Mã số 21: Doanh thu từ hoạt động tài chính giảm 38,95% so với cùng kỳ. Chủ yếu là do chênh lệch cổ tức được chia từ các công ty thành viên cho công ty mẹ
- Mã số 26: Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 28,68% so với cùng kỳ. Nguyên nhân do trong kỳ công ty thực hiện tái cơ cấu quản lý các phòng ban, thay đổi địa điểm thuê văn phòng từ tòa nhà Vinamilk Tower sang Tòa nhà AIG dẫn tới việc phát sinh tăng chi phí quản lý.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

TP. Hồ Chí Minh, Ngày 29 tháng 03 năm 2024

Người đại diện theo pháp luật/ Người được

ủy quyền thực hiện công bố thông tin

(chữ ký, họ tên và đóng dấu)



Phạm Trung Lâm



Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	8
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	9 – 30

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0314524981 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("Sở KH&ĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19 tháng 7 năm 2017 và các GCNĐKDN điều chỉnh.

Hoạt động chính theo đăng ký của Công ty là tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật), dịch vụ kho bãi và lưu giữ hàng hóa, sản xuất, phối trộn nguyên liệu thực phẩm, phụ gia thực phẩm, cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất không để ở.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Lô TH-1B, Đường số 7, Khu Thương mại Nam, Khu Chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Thiên Trúc	Chủ tịch	
Ông Phạm Đăng Long	Thành viên	
Ông Nguyễn Bá Lương	Thành viên	
Ông Lars Kjaer	Thành viên	
Ông Nguyễn Quốc Bình	Thành viên	bổ nhiệm ngày 1 tháng 3 năm 2023
Ông Bharat Venkatarama	Thành viên	bổ nhiệm ngày 27 tháng 11 năm 2023
Ông Phan Duy Hiếu	Thành viên	miễn nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2023
Ông Huỳnh Thanh Lâm	Thành viên	miễn nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2023
Ông Bùi Quang Nam	Thành viên	miễn nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2023
Ông Mai Xuân Trầm	Thành viên	miễn nhiệm ngày 26 tháng 2 năm 2023

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Lê Ngọc Sang	Trưởng Ban	
Bà Đỗ Thị Kim Chung	Thành viên	
Bà Hà Thị Bích Vân	Thành viên	bổ nhiệm ngày 27 tháng 11 năm 2023
Ông Đoàn Minh Quân	Thành viên	miễn nhiệm ngày 27 tháng 11 năm 2023

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám Đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Trung Lâm	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 24 tháng 2 năm 2024
Ông Trần Việt Hùng	Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 24 tháng 2 năm 2024
Bà Nguyễn Thị Lan Anh	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 20 tháng 3 năm 2024
Ông Phạm Đăng Long	Phó Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 12 tháng 5 năm 2023
Ông Nguyễn Thảo	Giám đốc Tài chính	

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là:

Ông Phạm Trung Lâm	bổ nhiệm ngày 24 tháng 2 năm 2024
Ông Trần Việt Hùng	miễn nhiệm ngày 24 tháng 2 năm 2024

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng kèm theo. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 để ngày 29 tháng 3 năm 2024.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Phạm Trung Lâm
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

Số tham chiếu: 0012117582/E-66925813-FN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG ("Công ty") được lập ngày 29 tháng 3 năm 2024 và được trình bày từ trang 5 đến trang 30, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Ernest Young Chin Kang
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1891-2023-004-1

Huỳnh Ngọc Minh Trân
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 4637-2023-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		204.607.219.117	168.418.600.761
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	30.500.208.297	32.516.987.075
111	1. Tiền		1.001.183.244	4.388.767.897
112	2. Các khoản tương đương tiền		29.499.025.053	28.128.219.178
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		160.890.338.455	135.803.091.911
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	20	11.917.859.535	16.731.582.225
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	57.221.603.730	58.132.643.323
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	91.750.875.190	60.938.866.363
150	III. Tài sản ngắn hạn khác		13.216.672.365	98.521.775
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	535.305.732	98.521.775
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	12	12.674.726.633	-
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	12	6.640.000	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		2.609.498.188.604	2.398.221.597.967
210	I. Phải thu dài hạn		28.000.000	150.094.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	6	28.000.000	150.094.000
220	II. Tài sản cố định		1.413.999.642	1.271.747.221
221	1. Tài sản cố định hữu hình	7	929.831.311	1.161.747.221
222	Nguyên giá		1.987.404.545	1.901.040.909
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(1.057.573.234)	(739.293.688)
227	2. Tài sản cố định vô hình		484.168.331	110.000.000
228	Nguyên giá		505.800.000	110.000.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(21.631.669)	-
230	III. Bất động sản đầu tư	8	110.000.000.000	-
231	1. Nguyên giá		110.000.000.000	-
232	2. Giá trị khấu hao lũy kế		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		344.166.667	395.800.000
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		344.166.667	395.800.000
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	9	2.475.933.817.844	2.391.082.583.396
251	1. Đầu tư vào các công ty con		2.481.118.024.316	2.394.418.024.316
254	2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(5.184.206.472)	(3.335.440.920)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		21.778.204.451	5.321.373.350
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	21.778.204.451	5.321.373.350
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.814.105.407.721	2.566.640.198.728

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		156.080.324.920	18.129.452.031
310	I. Nợ ngắn hạn		156.080.324.920	18.129.452.031
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11	137.999.642.031	496.232.389
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	410.145.347	852.398.479
315	3. Chi phí phải trả ngắn hạn	13	3.554.085.747	2.669.727.397
319	4. Phải trả ngắn hạn khác		16.157.639	10.799.610
322	5. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.12	14.100.294.156	14.100.294.156
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		2.658.025.082.801	2.548.510.746.697
410	I. Vốn chủ sở hữu	14.1	2.658.025.082.801	2.548.510.746.697
411	1. Vốn cổ phần		1.706.012.980.000	1.706.012.980.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.706.012.980.000	1.706.012.980.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		174.000.000.000	174.000.000.000
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		778.012.102.801	668.497.766.697
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước		668.497.766.697	471.918.838.235
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		109.514.336.104	196.578.928.462
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.814.105.407.721	2.566.640.198.728



Vũ Minh Đức
Người lập



Nguyễn Thảo
Kế toán trưởng



Phạm Trung Lâm
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
10	1. Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	15.1	11.035.055.125	15.492.205.764
11	2. Giá vốn dịch vụ cung cấp	16	(9.420.155.597)	(7.989.868.836)
20	3. Lợi nhuận gộp cung cấp dịch vụ		1.614.899.528	7.502.336.928
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	15.2	132.096.569.276	216.386.384.620
22	5. Chi phí tài chính	17	(1.848.765.552)	-
26	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	18	(22.139.839.025)	(17.205.131.697)
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		109.722.864.227	206.683.589.851
31	8. Thu nhập khác		848	241.598.427
32	9. Chi phí khác		(208.528.971)	(423)
40	10. (Lỗ) lợi nhuận khác		(208.528.123)	241.598.004
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		109.514.336.104	206.925.187.855
51	12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	19.1	-	-
60	13. Lợi nhuận sau thuế TNDN		109.514.336.104	206.925.187.855

Vũ Minh Đức
Người lập

Nguyễn Thảo
Kế toán trưởng



Phạm Trung Lâm
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày


VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		109.514.336.104	206.925.187.855
	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế			
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định	17	339.911.215	504.094.667
03	Dự phòng		1.848.765.552	-
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(132.096.569.276)	(216.627.982.241)
08	Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(20.393.556.405)	(9.198.699.719)
09	Tăng các khoản phải thu		(7.360.394.740)	(88.480.947.133)
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		27.944.232.889	(233.561.759)
12	Tăng chi phí trả trước		(16.893.615.058)	(5.226.502.725)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(16.703.333.314)	(103.139.711.336)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		(430.530.303)	(110.000.000)
22	Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định		-	754.545.455
23	Tiền chi cho vay		-	(188.000.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay và bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		-	257.948.817.565
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào các công ty con		(86.700.000.000)	(279.883.000.000)
27	Tiền thu cổ tức và lãi tiền gửi		101.817.084.839	182.873.568.093
30	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư		14.686.554.536	(26.416.068.887)
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm		(2.016.778.778)	(129.555.780.223)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		32.516.987.075	162.072.767.298
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	30.500.208.297	32.516.987.075


Vũ Minh Đức
Người lập


Nguyễn Thảo
Kế toán trưởng




Phạm Trung Lâm
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0314524981 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("Sở KH&ĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19 tháng 7 năm 2017 và các GCNĐKDN điều chỉnh.

Hoạt động chính theo đăng ký của Công ty là tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật), dịch vụ kho bãi và lưu giữ hàng hóa, sản xuất, phối trộn nguyên liệu thực phẩm, phụ gia thực phẩm, cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất không để ở.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Lô TH-1B, Đường số 7, Khu Thương mại Nam, Khu Chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 43 (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 37).

Cơ cấu tổ chức

Công ty có 8 công ty con trực tiếp, 2 công ty con gián tiếp, 1 công ty liên doanh gián tiếp và 2 công ty liên kết gián tiếp, chi tiết như sau:

Các công ty con bao gồm:

▶ *Công ty Cổ phần Hóa chất Á Châu ("ACC")*

ACC là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0304918352 do Sở KH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 9 tháng 4 năm 2007 và các GCNĐKKD, GCNĐKDN điều chỉnh. ACC có trụ sở chính đăng ký tại Lô K4B, Khu Công nghiệp Lê Minh Xuân, Đường số 4, Xã Lê Minh Xuân, Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của ACC là cung cấp sản phẩm và dịch vụ cho nhiều ngành công nghiệp bao gồm thực phẩm và nước giải khát, sản phẩm từ sữa, thủy sản, dược phẩm và bánh kẹo.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty nắm 96,34% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trong ACC (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 96,34% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết).

▶ *Công ty Cổ phần Nguyên liệu Thực phẩm Á Châu Sài Gòn ("AFI")*

AFI là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 3700916876 do Sở KH&ĐT Tỉnh Bình Dương cấp ngày 7 tháng 5 năm 2008 và các GCNĐKKD, GCNĐKDN điều chỉnh. AFI có trụ sở chính đăng ký tại Lô C-9E-CN, Khu Công nghiệp Mỹ Phước 3, Phường Thới Hòa, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của AFI là sản xuất thực phẩm, các sản phẩm kem béo thực vật và các loại nguyên liệu thực phẩm khác.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty nắm 64,01% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trong AFI (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 64,01% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết).

▶ *Công ty Cổ phần Chế biến Dừa Á Châu ("ACP")*

ACP là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 1300975859 do Sở KH&ĐT Tỉnh Bến Tre cấp ngày 19 tháng 12 năm 2014 và các GCNĐKDN điều chỉnh. ACP có trụ sở chính đăng ký tại Lô EI-2, EI-3, EI-4, Khu Công nghiệp Giao Long - Giai đoạn II, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của ACP là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm từ dừa (cơm dừa sấy khô, bột sữa dừa, sữa dừa, nước cốt dừa đông lạnh, thạch dừa và dầu dừa) phục vụ cho thị trường trong nước và xuất khẩu.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty nắm 73,42% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trong ACP (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 73,42% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Công ty có 8 công ty con trực tiếp, 2 công ty con gián tiếp, 1 công ty liên doanh gián tiếp và 2 công ty liên kết gián tiếp, chi tiết như sau: (tiếp theo)

Các công ty con bao gồm: (tiếp theo)

▶ **Công ty Cổ phần APIS ("APIS")**

APIS là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 0312705358 do Sở KH&ĐT Tỉnh Bình Dương cấp ngày 25 tháng 3 năm 2014 và các GCNĐKDN điều chỉnh. APIS có trụ sở chính đăng ký tại Lô số 18A VSIP II - A, Đường số 27, Khu Công nghiệp Việt Nam - Singapore II - A, Xã Vĩnh Tân, Thành phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của APIS là sản xuất, kinh doanh nguyên liệu thực phẩm, thực phẩm chức năng và tinh dầu.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty nắm 76,96% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trong APIS (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 76,96% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết).

▶ **Công ty Cổ phần Á Châu Hoa Sơn ("AHS")**

AHS trước đây là Công ty TNHH Chế Biến Nông Sản Hoa Sơn được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 2901627664 do Sở KH&ĐT Tỉnh Nghệ An cấp ngày 23 tháng 5 năm 2013, và các GCNĐKKD, GCNĐKDN điều chỉnh. Công ty được đổi tên theo GCNĐKDN điều chỉnh số 2901627664 do Sở KH&ĐT Tỉnh Nghệ An cấp ngày 13 tháng 12 năm 2018. AHS có trụ sở chính tại Xóm 12, Xã Hoa Sơn, Huyện Anh Sơn, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của AHS là sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột; sản xuất đường, thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty nắm giữ 67% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trong AHS (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 65% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết).

▶ **Công ty TNHH Thực phẩm AFC ("AFC")**

AFC là một công ty công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 3702533540 do Sở KH&ĐT Tỉnh Bình Dương cấp ngày 10 tháng 2 năm 2017 và các GCNĐKDN điều chỉnh. AFC có trụ sở chính đăng ký tại Lô C-9F-CN, Khu Công nghiệp Mỹ Phước 3, Phường Thới Hòa, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính theo đăng ký của AFC là sản xuất và kinh doanh thực phẩm.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty nắm 100% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trong AFC (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 100% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết).

▶ **Công ty Cổ phần Thương mại VICTA ("VICTA")**

VICTA trước đây là Công ty Cổ phần Hóa chất Công nghiệp Á Châu ("AIC") được thành lập theo luật doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 0313428499 do Sở KH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 7 tháng 9 năm 2015 và các GCNĐKDN điều chỉnh. Công ty được đổi tên theo GCNĐKDN điều chỉnh số 0313428499 do Sở KH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 6 tháng 4 năm 2023. VICTA có trụ sở chính đăng ký tại Lô TH-1B, Đường số 7, Khu Thương mại Nam, Khu Chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của VICTA là bán buôn hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp, bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản, cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất không để ở.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty nắm giữ 99,98% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trong VICTA (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 99,98% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Công ty có 8 công ty con trực tiếp, 2 công ty con gián tiếp, 1 công ty liên doanh gián tiếp và 2 công ty liên kết gián tiếp, chi tiết như sau: (tiếp theo)

Các Công ty con bao gồm: (tiếp theo)

▶ **Công ty Cổ phần Công nghệ Nông sản Á Châu ("ATC")**

ATC là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 3502478571 do Sở KH&ĐT Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 13 tháng 6 năm 2023. ATC có trụ sở chính tại: Lô L, Đường Đ.20, KCN Châu Đức, Thôn Hữu Phước, Xã Suối Nghệ, Huyện Châu Đức, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của ATC là sản xuất, gia công và bán buôn cà phê.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty nắm 99,50% phần vốn chủ sở hữu và quyền biểu quyết trong ATC (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 99,18% phần vốn chủ sở hữu và quyền biểu quyết).

▶ **Công ty Asia Chemical Corporation (ACC) Pte. Ltd ("ACC PTE")**

ACC PTE là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập tại Singapore theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 201756070K do Cơ quan Kế toán và Doanh nghiệp Singapore cấp ngày 15 tháng 12 năm 2017. ACC PTE có trụ sở chính đăng ký tại #08 - 03 Tòa nhà Cecil Court, số 138 Đường Cecil, Singapore. Hoạt động chính theo đăng ký của ACC PTE là tư vấn doanh nghiệp và quản lý; kinh doanh buôn bán chung (bao gồm xuất nhập khẩu chung).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty nắm giữ 96,34% tỷ lệ sở hữu và 100% quyền biểu quyết trong ACC PTE (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 96,34% tỷ lệ sở hữu và 100% quyền biểu quyết) thông qua công ty con.

▶ **Công ty TNHH Á Châu Healthcare ("AHC")**

AHC trước đây là Công ty TNHH Pierre Fabre Việt Nam được thành lập tại Việt Nam theo GCNĐKKD số 3600246593 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 23 tháng 10 năm 1995 và theo các GCNĐKKD, GCNĐKDN điều chỉnh. Công ty được đổi tên theo GCNĐKDN điều chỉnh số 3600246593 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 20 tháng 8 năm 2020. AHC có trụ sở chính tại Số 01, Đường 4A, Khu Công nghiệp Biên Hòa 2, Phường Long Bình Tân, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của AHC là sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty nắm giữ 91,52% tỷ lệ sở hữu và 95% quyền biểu quyết trong AHC (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 91,52% tỷ lệ sở hữu và 95% quyền biểu quyết) thông qua công ty con.

Công ty liên doanh:

▶ **Công ty Cổ phần Sinh Phẩm Nature ACH ("Nature ACH")**

Nature ACH là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo GCNĐKDN số 0316794581 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 7 tháng 4 năm 2023. Nature ACH có trụ sở chính tại Số 19, Đường 18, Khu phố 3, Phường Linh Chiểu, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của Nature ACH là sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tập đoàn nắm giữ 30% phần vốn chủ sở hữu trong Nature ACH (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 30% tỷ lệ sở hữu) thông qua công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Công ty có 8 công ty con trực tiếp, 2 công ty con gián tiếp, 1 công ty liên doanh gián tiếp và 2 công ty liên kết gián tiếp, chi tiết như sau: (tiếp theo)

Công ty liên kết:

▶ **Công ty Cổ phần Tảo Vĩnh Hảo ("TVH")**

TVH là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo GCNĐKKD số 3400516059 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Thuận cấp ngày 04 tháng 02 năm 2008 và các GCNĐKKD, GCNĐKDN điều chỉnh. TVH có trụ sở chính tại Thôn Vĩnh Sơn, Xã Vĩnh Hảo, Huyện Tuy Phong, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của TVH là sản xuất tảo Spirulina, thực phẩm chức năng, mỹ phẩm, xà phòng, thức ăn gia súc gia cầm và thủy sản.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tập đoàn nắm giữ 49% phần vốn chủ sở hữu trong TVH (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 49% tỷ lệ sở hữu) thông qua công ty con.

▶ **Công ty Cổ phần Công Nghiệp Lạnh Á Châu ("ACI")**

ACI là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 1101880095 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Long An cấp ngày 16 tháng 4 năm 2018 và theo các GCNĐKDN điều chỉnh. ACI có trụ sở chính tại Lô 3C-6, Đường số 12, KCN Long Hậu 3, Xã Long Hậu, Huyện Cần Giuộc, Tỉnh Long An, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của ACI là vận tải hàng hóa bằng đường bộ, kho bãi và lưu giữ hàng hóa.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tập đoàn nắm giữ 40,55% phần vốn chủ sở hữu trong ACI (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 40% tỷ lệ sở hữu) thông qua các công ty con.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có các công ty con như được trình bày tại *Thuyết minh số 1* và *Thuyết minh số 9*. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đề ngày 29 tháng 3 năm 2024.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dư phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.4 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của tài sản như sau:

Phương tiện vận tải	6 năm
Thiết bị văn phòng	5 năm
Tài sản khác	6 – 10 năm
Nhãn hiệu, tên thương mại	10 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Công ty không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và hao mòn bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc	18 năm
--------------------------	--------

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê lại đất ký với Công ty Cổ phần Thương mại VICTA vào ngày 29 tháng 12 năm 2023 trong thời hạn 18 năm. Theo Thông tư 45, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối từ trước thời điểm nắm giữ quyền kiểm soát được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào liên doanh

Các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh mà trong đó Công ty có quyền đồng kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên doanh sau ngày Công ty có quyền đồng kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

3.13 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được đo lường bằng giá thị trường của các khoản phải thu, loại trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Bên cạnh các yêu cầu cơ bản, Công ty có các chính sách ghi nhận doanh thu cụ thể sau đây:

Doanh thu từ dịch vụ tư vấn quản lý

Công ty xác định và ghi nhận doanh thu dựa trên biên bản nghiệm thu kết quả công việc tư vấn quản lý.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

3.15 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình họ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	16.576.000	64.959.000
Tiền gửi ngân hàng	984.607.244	4.323.808.897
Các khoản tương đương tiền (*)	<u>29.499.025.053</u>	<u>28.128.219.178</u>
TỔNG CỘNG	<u>30.500.208.297</u>	<u>32.516.987.075</u>

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá ba (3) tháng tại các ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất dao động từ 3,3%/năm đến 3,5%/năm.

5. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Phát triển Khu Công Nghiệp Viglacera Yên Mỹ	57.154.416.040	57.154.416.040
Khác	<u>67.187.690</u>	<u>978.227.283</u>
TỔNG CỘNG	<u>57.221.603.730</u>	<u>58.132.643.323</u>

6. PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	91.750.875.190	60.938.866.363
Cổ tức	63.600.196.000	33.218.562.000
Đặt cọc	23.400.766.416	22.861.766.416
Tạm ứng cho nhân viên	3.034.549.000	3.064.464.000
Lãi cho vay và tiền gửi ngân hàng	29.968.523	132.118.086
Khác	1.685.395.251	1.661.955.861
Dài hạn	28.000.000	150.094.000
Đặt cọc	<u>28.000.000</u>	<u>150.094.000</u>
TỔNG CỘNG	<u>91.778.875.190</u>	<u>61.088.960.363</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu các bên liên quan</i> <i>(Thuyết minh số 20)</i>	63.600.196.000	33.218.562.000
<i>Phải thu bên khác</i>	<u>28.178.679.190</u>	<u>27.870.398.363</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

			VND
	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Số đầu năm	1.901.040.909	-	1.901.040.909
Mua trong năm	-	86.363.636	86.363.636
Số cuối năm	<u>1.901.040.909</u>	<u>86.363.636</u>	<u>1.987.404.545</u>
Giá trị khấu hao lũy kế:			
Số đầu năm	(739.293.688)	-	(739.293.688)
Khấu hao trong năm	(316.840.152)	(1.439.394)	(318.279.546)
Số cuối năm	<u>(1.056.133.840)</u>	<u>(1.439.394)</u>	<u>(1.057.573.234)</u>
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	<u>1.161.747.221</u>	-	<u>1.161.747.221</u>
Số cuối năm	<u>844.907.069</u>	<u>84.924.242</u>	<u>929.831.311</u>

8. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

			VND
	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>		<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Mua trong năm	110.000.000.000		110.000.000.000
Số cuối năm	<u>110.000.000.000</u>		<u>110.000.000.000</u>
Giá trị khấu hao lũy kế:			
Khấu hao trong năm	-		-
Số cuối năm	-		-
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	-		-
Số cuối năm	<u>110.000.000.000</u>		<u>110.000.000.000</u>

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty con như sau:

Tên công ty con	Hoạt động kinh doanh	Tình trạng	Ngày 31 tháng 12 năm 2023		Ngày 31 tháng 12 năm 2022	
			% sở hữu	Giá trị VND	% sở hữu	Giá trị VND
Công ty Cổ phần Hóa chất Á Châu	Cung cấp sản phẩm và dịch vụ cho nhiều ngành công nghiệp bao gồm thực phẩm và nước giải khát, sản phẩm từ sữa, thủy sản, dược phẩm và bánh kẹo	Đang hoạt động	96,34	718.020.621.828	96,34	718.020.621.828
Công ty Cổ phần Nguyên liệu Thực phẩm Á Châu Sài Gòn	Sản xuất thực phẩm, các sản phẩm kem béo thực vật và các loại nguyên liệu thực phẩm khác	Đang hoạt động	64,01	503.512.000.000	64,01	503.512.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại VICTA	Bán buôn hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp, bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản	Đang hoạt động	99,98	358.899.000.000	99,98	358.899.000.000
Công ty Cổ phần Chế biến Dừa Á Châu	Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm từ dừa (cơm dừa sấy khô, bột sữa dừa, sữa dừa, nước cốt dừa đóng lạnh, thạch dừa và dầu dừa)	Đang hoạt động	73,42	324.513.000.000	73,42	324.513.000.000
Công ty Cổ phần Á Châu Hoa Sơn (i)	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột; sản xuất đường, thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản	Đang hoạt động	67	211.205.902.488	65	202.505.902.488
Công ty Cổ phần APIS	Sản xuất, kinh doanh nguyên liệu thực phẩm, thực phẩm chức năng và tinh dầu	Đang hoạt động	76,96	128.067.500.000	76,96	128.067.500.000
Công ty TNHH Thực phẩm AFC	Sản xuất và kinh doanh thực phẩm	Chưa hoạt động	100	37.900.000.000	100	37.900.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Nông sản Á Châu (ii)	Sản xuất, gia công và bán buôn cà phê	Chưa hoạt động	99,50	199.000.000.000	99,18	121.000.000.000
TỔNG CỘNG				2.481.118.024.316		2.394.418.024.316
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn				(5.184.206.472)		(3.335.440.920)
GIÁ TRỊ THUẬN				2.475.933.817.844		2.391.082.583.396

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON (tiếp theo)

- (i) Vào ngày 12 tháng 5 năm 2023, Công ty đã nhận chuyển nhượng 435.000 cổ phần của AHS, tương ứng 2% tỷ lệ sở hữu, từ cổ đông hiện hữu với tổng giá trị là 8.700.000.000 VND. Theo đó, tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết của Công ty trong AHS tăng từ 65% lên 67%.
- (ii) Vào ngày 6 tháng 10 năm 2023, Công ty đã hoàn tất việc góp thêm để đủ số vốn điều lệ đã đăng ký với giá trị là 78.000.000.000 VND vào Công ty Cổ phần Công nghệ Nông sản Á Châu. Theo đó, tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết của Công ty trong ATC tăng từ 99,18% lên 99,50%.

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng đầu tư tài chính dài hạn:

	VND			
	Số đầu năm	Dự phòng trích lập trong năm	Hoàn nhập dự phòng trong năm	Số cuối năm
Công ty TNHH Thực phẩm AFC	(3.335.440.920)	(237.102.671)	-	(3.572.543.591)
Công ty Cổ phần Công nghệ Nông sản Á Châu	-	(1.611.662.881)	-	(1.611.662.881)
TỔNG CỘNG	(3.335.440.920)	(1.848.765.552)	-	(5.184.206.472)

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	535.305.732	98.521.775
Phần mềm	466.204.800	-
Phí bảo hiểm	13.747.481	21.784.547
Công cụ dụng cụ	1.878.787	-
Chi phí thuê văn phòng	-	72.328.897
Khác	53.474.664	4.408.331
Dài hạn	21.778.204.451	5.321.373.350
Tiền thuê đất	15.000.000.000	-
Chi phí sửa chữa văn phòng	3.714.568.733	1.076.242.122
Công cụ dụng cụ	379.740.359	88.144.559
Khác	2.683.895.359	4.156.986.669
TỔNG CỘNG	22.313.510.183	5.419.895.125

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả cho người bán	499.642.031	495.793.909
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Phan Đăng	-	87.526.656
Chi nhánh Công ty TNHH Tư vấn Thuế Deloitte Việt Nam	-	326.700.000
Khác	499.642.031	81.567.253
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 20)	137.500.000.000	438.480
TỔNG CỘNG	137.999.642.031	496.232.389

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. THUẾ

	VND			
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Phải nộp				
Thuế thu nhập cá nhân	567.877.176	4.596.603.554	(4.760.735.383)	403.745.347
Thuế GTGT	284.521.303	-	(284.761.303)	(240.000)
Thuế môn bài	-	4.000.000	(4.000.000)	-
TỔNG CỘNG	852.398.479	4.600.603.554	(5.049.496.686)	403.505.347
<i>Trong đó:</i>				
Thuế phải nộp	852.398.479			410.145.347
Thuế nộp thừa	-			6.640.000

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Lương tháng 13 và thưởng	3.361.798.500	2.481.692.077
Khác	192.287.247	188.035.320
TỔNG CỘNG	3.554.085.747	2.669.727.397

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

14.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

	VND			
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước:				
Số đầu năm	1.706.012.980.000	174.000.000.000	471.918.838.235	2.351.931.818.235
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	206.925.187.855	206.925.187.855
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(10.346.259.393)	(10.346.259.393)
Số cuối năm	<u>1.706.012.980.000</u>	<u>174.000.000.000</u>	<u>668.497.766.697</u>	<u>2.548.510.746.697</u>
Năm nay:				
Số đầu năm	1.706.012.980.000	174.000.000.000	668.497.766.697	2.548.510.746.697
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	109.514.336.104	109.514.336.104
Số cuối năm	<u>1.706.012.980.000</u>	<u>174.000.000.000</u>	<u>778.012.102.801</u>	<u>2.658.025.082.801</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

14.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Vốn đã góp		
Vốn góp đầu năm và cuối năm	<u>1.706.012.980.000</u>	<u>1.706.012.980.000</u>

14.3 Cổ phiếu

	Số lượng cổ phiếu	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu được phép phát hành	170.601.298	170.601.298
Cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	170.601.298	170.601.298
Cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	170.601.298	170.601.298

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 10.000 VND/cổ phiếu)

15. DOANH THU

15.1 Doanh thu cung cấp dịch vụ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cung cấp dịch vụ quản lý cho các bên liên quan	<u>11.035.055.125</u>	<u>15.492.205.764</u>

15.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ cổ tức	131.025.396.000	208.996.492.000
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.071.173.276	1.719.905.281
Lãi trái phiếu	-	4.545.411.997
Lãi cho bên liên quan vay	-	1.124.575.342
TỔNG CỘNG	<u>132.096.569.276</u>	<u>216.386.384.620</u>

16. GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	7.451.048.206	7.301.185.082
Chi phí khác	1.969.107.391	688.683.754
TỔNG CỘNG	<u>9.420.155.597</u>	<u>7.989.868.836</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	<u>1.848.765.552</u>	<u>-</u>

18. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	11.414.841.743	10.530.178.969
Chi phí thuê văn phòng, nhà xưởng, thuê đất	1.270.186.646	444.898.961
Chi phí khấu hao và hao mòn	339.911.215	504.094.667
Khác	<u>9.114.899.421</u>	<u>5.725.959.100</u>
TỔNG CỘNG	<u>22.139.839.025</u>	<u>17.205.131.697</u>

19. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

19.1 Chi phí thuế TNDN

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế	<u>109.537.309.104</u>	<u>206.925.187.855</u>
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	21.902.867.221	41.385.037.571
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Thu nhập không chịu thuế	(26.205.079.200)	(41.799.298.400)
Chi phí không được trừ	763.643.179	813.017.425
Lỗi năm trước chuyển sang	-	(398.756.596)
Lỗi tính thuế chưa ghi nhận thuế hoãn lại	<u>3.538.568.800</u>	<u>-</u>
Chi phí thuế TNDN	<u>-</u>	<u>-</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

19.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

19.3 Lỗ chuyển sang các năm sau

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang các năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm liên tục kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty có khoản lỗ thuế lũy kế là 42.641.925.041 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 24.952.081.041 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế	Đã chuyển lỗ đến ngày 31 tháng 12 năm 2023	Không được chuyển lỗ	VND	
					Chưa chuyển lỗ đến ngày 31 tháng 12 năm 2023	
2018	2023	3.042.274.999 (*)	(3.042.274.999)	-	-	-
2019	2024	37.869.984.009 (*)	(14.555.502.539)	-	23.314.481.470	-
2020	2025	1.634.599.571 (*)	-	-	1.634.599.571	-
2023	2028	17.692.844.000 (*)	-	-	17.692.844.000	-
TỔNG CỘNG		60.239.702.579	(17.597.777.538)	-	42.641.925.041	-

(*) Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính riêng này.

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với số lỗ thuế lũy kế nêu trên do không thể dự tính được lợi nhuận trong tương lai tại thời điểm này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Công ty và các bên liên quan có giao dịch với Công ty trong năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty Cổ phần Hóa chất Á Châu ("ACC")	Công ty con
Công ty Cổ phần Nguyên liệu Thực phẩm Á Châu Sài Gòn ("AFI")	Công ty con
Công ty Cổ phần Chế biến Dừa Á Châu ("ACP")	Công ty con
Công ty Cổ phần APIS ("APIS")	Công ty con
Công ty TNHH Thực phẩm AFC ("AFC")	Công ty con
Công ty Cổ phần Thương mại VICTA ("VICTA") (trước đây là Công ty Cổ phần Hóa chất Công nghiệp Á Châu)	Công ty con
Công ty Cổ phần Á Châu Hoa Sơn ("AHS")	Công ty con
Công ty Cổ phần Công nghệ Nông sản Á Châu ("ATC")	Công ty con
Công ty Asia Chemical Corporation (ACC) Pte. Ltd ("ACC PTE")	Công ty con
Công ty TNHH Á Châu Healthcare ("AHC")	Công ty con
Công ty Cổ phần Sinh phẩm Nature ACH ("Nature ACH")	Công ty liên doanh
Công ty Cổ phần Tảo Vĩnh Hảo ("TVH")	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Công Nghiệp Lạnh Á Châu ("ACI")	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần ARC Bình Dương	Công ty có chung nhân sự chủ chốt
Ông Nguyễn Thiên Trúc	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Phạm Đăng Long	Thành viên Hội đồng Quản trị, Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Bá Lương	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Lars Kjaer	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Quốc Bình	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Bharat Venkatarama	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Huỳnh Thanh Lâm	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Phan Duy Hiếu	đến ngày 30 tháng 6 năm 2023 Cố đồng, Thành viên HĐQT
Ông Bùi Quang Nam	đến ngày 30 tháng 6 năm 2023 đến ngày 30 tháng 6 năm 2023; Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc tại công ty con
Ông Mai Xuân Trâm	Thành viên Hội đồng Quản trị
Bà Nguyễn Thị Lan Anh	đến ngày 26 tháng 2 năm 2023 Phó Tổng Giám đốc đến ngày 12 tháng 5 năm 2023
Bà Lê Ngọc Sang	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Đỗ Thị Kim Chung	Thành viên Ban kiểm soát
Ông Đoàn Minh Quân	Thành viên Ban kiểm soát đến ngày 27 tháng 11 năm 2023
Bà Hà Thị Bích Vân	Thành viên Ban kiểm soát từ ngày 27 tháng 11 năm 2023 Tổng Giám đốc đến ngày 24 tháng 2 năm 2024; Phó Tổng Giám đốc từ ngày 20 tháng 3 năm 2024
Ông Trần Việt Hùng	Tổng Giám đốc từ ngày 24 tháng 2 năm 2024
Ông Phạm Trung Lâm	Phó Tổng Giám đốc đến ngày 12 tháng 5 năm 2023
Bà Nguyễn Thị Lan Anh	Giám đốc Tài chính
Ông Nguyễn Thảo	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước như sau:

VND				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
ACC	Công ty con	Cổ tức được chia	71.330.196.000	83.218.562.000
		Nhận cổ tức bằng tiền	68.218.562.000	50.000.000.000
		Cho vay	-	73.000.000.000
		Thu hồi tiền cho vay	-	73.000.000.000
		Lãi cho vay	-	666.082.192
		Nhận lãi cho vay	-	666.082.192
VICTA	Công ty con	Mua tài sản	125.000.000.000	-
		Tiền thuê	2.581.108.540	-
		Góp vốn	-	67.983.000.000
		Cổ tức được chia	-	38.490.430.000
		Nhận cổ tức bằng tiền	-	38.490.430.000
AFI	Công ty con	Cổ tức được chia	27.422.500.000	50.927.500.000
		Nhận cổ tức bằng tiền	27.422.500.000	50.927.500.000
		Cung cấp dịch vụ tư vấn quản lý	6.313.673.745	5.395.715.616
		Thanh lý tài sản	-	300.000.000
ACP	Công ty con	Cổ tức được chia	27.270.000.000	36.360.000.000
		Cung cấp dịch vụ tư vấn quản lý	4.721.381.380	10.096.490.148
		Mua hàng hóa	4.145.452	19.445.371
		Góp vốn	-	90.900.000.000
		Nhận cổ tức bằng tiền	-	36.360.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước như sau: (tiếp theo)

VND				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
APIS	Công ty con	Nhận cổ tức bằng tiền	5.002.700.000	-
		Cổ tức được chia	5.002.700.000	-
		Mua hàng hóa	21.441.736	28.460.140
		Thu hồi tiền cho vay	-	20.000.000.000
		Cho vay	-	20.000.000.000
		Lãi cho vay	-	124.657.534
		Nhận lãi cho vay	-	124.657.534
ATC	Công ty con	Góp vốn	78.000.000.000	121.000.000.000
		Cho vay	-	95.000.000.000
		Thu tiền hồi cho vay	-	95.000.000.000
		Lãi cho vay	-	333.835.616
		Nhận tiền lãi cho vay	-	333.835.616
AHS	Công ty con	Thanh lý tài sản	-	454.545.455
Ông Phan Duy Hiếu	Cổ đông, Thành viên HĐQT đến ngày 30 tháng 6 năm 2023; Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc tại công ty con	Nhận chuyển nhượng cổ phần	8.700.000.000	-

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

VND				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng				
AFI	Công ty con	Cung cấp dịch vụ tư vấn quản lý	6.818.767.645	5.827.372.865
ACP	Công ty con	Cung cấp dịch vụ tư vấn quản lý	5.099.091.890	10.904.209.360
			11.917.859.535	16.731.582.225

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải thu ngắn hạn khác				
ACC	Công ty con	Cổ tức được chia	36.330.196.000	33.218.562.000
ACP	Công ty con	Cổ tức được chia	27.270.000.000	-
			63.600.196.000	33.218.562.000
Phải trả người bán ngắn hạn				
VICTA	Công ty con	Mua tài sản	137.500.000.000	-
APIS	Công ty con	Mua hàng hoá	-	438.480
			137.500.000.000	438.480

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám Đốc:

	<i>VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Hội đồng Quản trị		
Thù lao	1.335.000.000	2.438.200.000
Ban Tổng Giám đốc		
Lương và thưởng	946.800.000	2.080.911.111
Ban Kiểm soát		
Thù lao	132.000.000	132.000.000
TỔNG CỘNG	2.413.800.000	4.651.111.111

21. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả tối thiểu trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đến 1 năm	53.168.642	2.475.509.887
Từ 1 đến 5 năm	212.674.570	10.985.970.240
Trên 5 năm	676.866.356	690.569.250
TỔNG CỘNG	942.709.568	14.152.049.377

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 05/2023/QĐ-HĐQT/AIG ngày 20 tháng 9 năm 2023, Hội đồng Quản trị đã phê duyệt việc góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Mekong Delta Gourmet với tổng vốn điều lệ là 270.000.000.000 VND trong đó Công ty nắm giữ 98% vốn điều lệ và quyền biểu quyết. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2024 đến ngày 29 tháng 3 năm 2024, Công ty đã chuyển tiền góp vốn với giá trị là 83.000.000.000 VND trên tổng số vốn cam kết là 264.600.000.000 VND.

Ngoài sự kiện trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.



Vũ Minh Đức
Người lập



Nguyễn Thảo
Kế toán trưởng



Phạm Trung Lâm
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2024